TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2023/DS-ST
Ngày 09/3/2023
"V/v Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vĩnh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Thông

Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Hường, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Hùynh Thị Đạm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 3 năm 2023 tại Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử công khai phúc thẩm dân sự vụ án thụ lý số: 318/2022/TLPT-DS ngày 08/11/2022 về việc "*Tranh chấp dân sự Ranh giới quyền sử dụng đất";*

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 83/2022/DS-ST ngày 12/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2022/QĐPT-DS, ngày 06/01/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông **Lương Tấn M**, sinh năm 1962;
Địa chỉ: Số A, ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: Ông **Nguyễn Ngọc T,** sinh năm 1958;
Địa chỉ: Số E, ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện ủy quyền của ông Nguyễn Ngọc T: Chị Nguyễn Thị Ngọc N, sinh năm 1981; Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp theo văn bản ủy quyền 23/8/2022.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn là Luật sư Bùi Văn P - Văn phòng L1 thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đ.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp.
Người đại diện theo pháo luật: bà Nguyễn Thị N1, Chủ tịch;

2. Bà Võ Thị Bé B, sinh năm 1964;

3. Anh Lương Thanh H, sinh năm 1986;

4. Chị Lê Thị Phi Y, sinh năm 1990;

5. Chị Lương Thị Cẩm H1, sinh năm 1990;

6. Chị Lương Thị Thu H2, sinh năm 1991;

Cùng địa chỉ: Số A, ấp Á, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

7. Bà Phạm Thị Lệ T1, sinh năm 1961;

Địa chỉ: Số E, ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện ủy quyền của bà Phạm Thị Lệ T1: Chị Nguyễn Thị Ngọc N, sinh năm 1981; Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp theo Hợp đồng ủy quyền ngày 19/10/2021.

8. Anh Nguyễn Ngọc Hùng L, sinh năm 1989;
Địa chỉ: Số E, ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

(*Có mặt*: ông M, bà B, chị N và Luật sư P; các đương sự còn lại vắng mặt).

* *Người kháng cáo*: Ông Nguyễn Ngọc Thế l bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Lương Tấn M trình bày:

Hiện ông M đang sử dụng và đứng tên quyền sử dụng đất diện tích 217,5m^2 thuộc thửa 1074, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Thửa đất 1074 trước đây có nguồn gốc từ thửa đất số 159, tờ bản đồ số 01 (Theo bản đồ 299); quá trình sử dụng đến năm 2020 thì ông M đăng ký cấp đổi sang bản đồ chính quy và tách thửa 159 thành 13 thửa là: 1074, 1075, 1076, 1077, 1078, 1079, 1080, 1081, 1082, 1083, 1084, 1085, 1086, cùng tờ bản đồ số 01 (lúc cấp đổi theo bản đồ chính quy có đo đạc thực tế) thửa đất số 159 là cạnh giáp lộ vào Bệnh viện là 70,6m, và cạnh giáp khu dân cư B 1 là 72,8m.

Sau khi cấp đổi và tách thửa đất thì ông M đã chuyển nhượng cho người khác thửa đất số 1085 và 1086 có chiều dài cạnh giáp lộ vào Bệnh viện và cạnh giáp khu dân cư B đều là 10m.

Thửa đất số 1074 của ông M liền kề với thửa đất số 406, tờ bản đồ số 46 của ông Nguyễn Ngọc T, giữa 02 thửa đất nói trên trước đây giữa ông M với ông T có xác định ranh chung là 02 trụ đá 02 đầu. Tuy nhiên. đến năm 2018 thì ông T tự ý nhổ trụ đá và lấn qua phần đất của ông M diện tích là 34,7m^2 (A - B - M7 - M4 về A).

Nay ông M yêu cầu hộ ông T trả phần đất lấn chiếm là 34,7m^2 thuộc một phần thửa đất số 1074, tờ bản đồ số 01 của ông M và xác định ranh chung giữa

thửa số 1074 của ông M với thửa đất số 406 của ông T nối các điểm từ A - B thành một đường thẳng làm ranh chung.

- Bị đơn ông Nguyễn Ngọc T, người liên quan bà Phạm Thị Lệ T1 cùng ủy quyền chị Nguyễn Thị Ngọc N trình bày:

Hộ ông Nguyễn Ngọc T đang sử dụng và đứng tên quyền sử dụng diện tích đất 188,4m^2 (LUA) thuộc thửa 406, tờ bản đồ số 46. Thửa đất số 406 trước đây có nguồn gốc từ thửa 158, tờ bản đồ số 01 (theo bản đồ 299), đến năm 2013 thì ông T đăng ký cấp đổi sang bản đồ chính quy thành thửa 406. Tuy nhiên, trong quá trình cấp đổi thì cơ quan Nhà nước đo đạc và cấp đổi sai lệch kích thước và diện tích ban đầu. Theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất tháng 7/2010 thì đất của ông T cạnh giáp với lộ vào bệnh viện là 12,24m và cạnh giáp khu dân cư B 1 là 11,37m. Khi cấp đổi quyền sử dụng đất cho ông Thế t cạnh giáp lộ vào Bệnh viện chỉ còn là 9,22m và cạnh giáp khu dân cư B 1 là 9,63m. Do đó, đất của ông T diện tích thực tế cạnh giáp với lộ vào bệnh viện là 12,24m và cạnh giáp khu dân cư B 1 là 11,37m.

Thửa đất số 406 của ông T liền kề với thửa đất số 1074, tờ bản đồ số 01 của ông Lương Tấn M, trong quá trình sử dụng đất giữa 02 thửa đất nói trên trước đây giữa ông M với ông T có xác định ranh chung là 02 trụ đá 02 đầu. Tuy nhiên đến khi Nhà nước quy hoạch, đã xác định đất để bồi thường thì trụ đá không còn. Việc ông M tự ý xác định ranh lấn chiếm qua phần đất của ông T diện tích là 34,7m^2 (A, B, M7, M4 về A), ông không đồng ý.

Nay ông T yêu cầu Tòa án buộc hộ ông M trả lại phần diện tích là 34,7m^2 thuộc một phần thửa đất số 406, tờ bản đồ số 46 và xác định ranh chung giữa thửa số 1074 của ông M với thửa đất số 406 của ông T nối các điểm từ M4 đến M7 thành một đường thẳng làm ranh chung.

- Người liên quan bà Võ Thị Bé B trình bày:

Bà Bé B thống nhất theo lời trình bày của ông M. Bà B yêu cầu hộ ông T trả lại phần diện tích lấn chiếm là 34,7m^2 thuộc một phần thửa đất 1074, tờ bản đồ số 01 và xác định ranh chung giữa thửa số 1074 của ông M với thửa đất số 406 của ông Thế l nối từ điểm A đến B thành một đường thẳng làm ranh chung.

Bản án số: 83/2022/DS-ST ngày 12/9/2022 của Tòa án huyện Lấp Vò đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lương Tấn M về tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất đối với bị đơn hộ ông Nguyễn Ngọc T.

2. Xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa đất 1074, tờ bản đồ số 01 do hộ ông Lương Tấn M đứng tên quyền sử dụng đất với thửa 406, tờ bản đồ số 46 do hộ ông Nguyễn Ngọc T đứng tên quyền sử dụng đất là: Nối các điểm từ A đến B thành một đường thẳng là ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa đất số 1074, tờ bản đồ số 01 do hộ ông Lương Tấn M đứng tên quyền sử dụng đất với thửa đất số 406, tờ bản đồ số 46 do hộ ông Nguyễn Ngọc T đứng tên quyền sử dụng đất.

(*Kèm biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 07/9/2018, thẩm định bổ sung ngày 12/11/2021 của Tòa án huyện Lấp Vò và sơ đồ đo đạc ngày 05/9/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L*).

Ranh giới quyền sử dụng đất được xác định từ không gian đến lòng đất theo chiều thẳng đứng từ ranh giới trong khuôn viên đất, các tài sản có trên ranh giới đã được xác định phải được di dời.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Ngọc T, bà Phạm Thị Lệ T1, anh Nguyễn Ngọc H3 Lãm nộp 300.000 đồng.

Ông Lương Tấn M được nhận lại 2.160.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001318, ngày 22/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò.

4. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá: Ông Nguyễn Ngọc T, bà Phạm Thị Lệ T1, anh Nguyễn Ngọc Hùng L phải chịu là 1.000.000 đồng, số tiền này ông Lương Tấn M đã tạm nộp chi xong, nên ông Nguyễn Ngọc T, bà Phạm Thị Lệ T1, anh Nguyễn Ngọc Hùng L có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông Lương Tấn M 1.000.000đồng.

5. Chi phí trưng cầu giám định: Ông Lương Tấn M, bà Võ Thị Bé B, anh Lương Thanh H, chị Lê Thị Phi Y, chị Lương Thị Cẩm H1, chị Lương Thị Thu H2 phải chịu là 14.460.000đồng; số tiền này ông Nguyễn Ngọc T đã tạm nộp chi xong nên ông M, bà Bé B, anh H, chị Y, chị Cẩm H1, chị Thu H2 có nghĩa vụ trả lại cho ông Nguyễn Ngọc T 14.460.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo và yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 26/9/2022 ông Nguyễn Ngọc T kháng cáo yêu cầu xem xét lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Nguyên đơn ông Lương Tấn M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu xác định ranh đất với bị đơn ông T từ vị trí mốc A – B.

+ Bị đơn ông Nguyễn Ngọc T, đại diện ủy quyền chị Nguyễn Thị Ngọc N vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu xác định ranh đất giữa thửa 406 và thửa 1074 từ mốc M4 – M7;

+ Người bảo vệ quyền, lợi ích cho bị đơn ông Nguyễn Ngọc T đề nghị chấp nhận kháng cáo của ông T, sửa bản án sơ thẩm.

+ Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm. Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc T, giữ nguyên án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Ông Nguyễn Ngọc T kháng cáo yêu cầu xác định ranh đất giữa thửa 406 và thửa 1074 từ vị trí mốc M4 – M7 là ranh chung. Xét thấy:

[1] Thửa đất 406, tờ bản đồ số 46 hiện do ông Nguyễn Ngọc T đứng tên QSD có nguồn gốc của bà Nguyễn Thị X để lại thuộc thửa 158, tờ bản đồ số 01 cho hộ ông Nguyễn Ngọc T, nên ngày 11/11/2002 hộ ông T được cấp QSD diện tích 1.540m^2 (LUA).

Năm 2004 Nhà nước thu hồi diện tích 558m^2 thuộc một phần thửa đất 406 để làm khu dân cư Bình Hiệp 1 nên phần đất ông T còn lại 982m^2;

Ngày 10/02/200, Nhà nước tiếp tục thu hồi của ông T diện tích 907m^2, nên diện tích còn lại là 75m^2.

Đến ngày 04/12/2013, ông T có đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi QSD đất và được UBND huyện L cấp cho hộ ông T ngày 17/12/2013 thành thửa 406, tờ bản đồ số 46, diện tích 188,4m^2 (L).

[2] Tại Tòa án cấp phúc thẩm, chị Nguyễn Thị Ngọc N là đại diện ủy quyền của ông Nguyễn Ngọc T có đơn đề nghị Tòa án thu thập chứng cứ đối với các hồ sơ kê khai đăng ký, thu hồi đất .... của ông Lương Tấn M; hồ sơ giải tỏa đền bù đất của ông Nguyễn Ngọc T ... để xác định phần đất đang tranh chấp. Xét thấy, việc cung cấp chứng trong vụ án dân sự thuộc về đương sự để chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ, trường hợp đương sự không cung cấp được lý do tài liệu đó do cơ quan có thẩm quyền lưu giữ mà đương sự đã yêu cầu nhưng không được cung cấp thì yêu cầu Tòa án thu thập. Tuy nhiên, chưa có căn cứ nào thể hiện việc ông T có yêu cầu cơ quan lưu giữ tài liệu cung cấp, đồng thời tại phiên tòa chị N trình bày khi thu hồi đất để làm khu dân cư B thì Ban quản lý dự án huyện L có yêu cầu ông T chừa lại 03m x 19,97m = 59,9m^2 để làm đường, nhưng nay lại cấp QSD đất cho ông M. Lời trình bày của chị N là không phù hợp. Bởi lẽ, sau khi đất ông T bị thu hồi 01 phần, thì phần còn lại khi ông T xin cấp đổi đã được UBND huyện L cấp QSD ngày 17/12/2013 thửa 406, tờ bản đồ số 46, diện tích 188,4m^2. Khi cấp đổi QSD đất thửa 406 cơ quan chuyên môn có đo đạc và xác định ranh liền kề với đất ông Lương Tấn M, ông T và ông M ký tên vào Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 04/12/2013 (*BL 108*) đã xác định thửa đất số 406 của ông T cạnh giáp với đường ĐT 852B là 9,22m (M2, M3, A), cạnh giáp với hẻm khu dân cư B 1 là 9,63m (M1, M8, B). Điều này phù hợp với kích thước và hiện trạng đo đạc theo sơ đồ ngày 05/9/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L với sơ đồ đất trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông T thuộc thửa 406, tờ bản đồ số 46.

[3] Việc ông T cho rằng năm 2013, khi ông đăng ký cấp đổi QSD đất sang bản đồ chính quy thành thửa 406, quá trình cấp đổi thì cơ quan Nhà nước đo đạc và cấp đổi sai lệch kích thước và diện tích đất của ông, đồng thời Ủy ban nhân

dân huyện L cấp quyền sử dụng đất cho ông diện tích không đúng so với thực tế nhưng ông không khiếu nại và cũng không có căn cứ chứng minh.

[4] Theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất (tháng 7/2010) thì đất của ông T cạnh giáp với lộ vào Bệnh viện là 12,24m và cạnh giáp khu dân cư B 1 là 11,37m. Khi cấp đổi QSD đất cho ông Thế thì cạnh giáp lộ vào Bệnh viện chỉ còn là 9,22m và cạnh giáp khu dân cư B 1 là 9,63m. Do đất của ông T diện tích thực tế có cạnh giáp với lộ vào Bệnh viện là 12,24m và cạnh giáp khu dân cư B 1 là 11,37m là phù hợp với hiện trạng sử dụng đất của ông T.

[5] Đất của ông M trước đây thuộc thửa 159, tờ bản đồ số 01, diện tích 2.574m^2; đến năm 2020 thì ông M đăng ký cấp đổi sang bản đồ chính quy và tách thửa 159 thành 13 thửa là: 1074, 1075, 1076, 1077, 1078, 1079, 1080, 1081, 1082, 1083, 1084, 1085, 1086, cùng tờ bản đồ số 01. Sau khi cấp đổi và tách thửa đất thì ông M đã chuyển nhượng cho người khác thửa đất số 1085 và 1086 có chiều dài cạnh lộ vào Bệnh viện và cạnh giáp khu dân cư B đều là 10m. Vậy đất ông M còn lại là thửa đất số 1074, 1075, 1076, 1077, 1078, 1079, 1080, 1081, 1082, 1083, 1084; do các thửa đất này không xác định được mốc giới giữa các thửa với nhau nên Tòa án sơ thẩm đã tiến hành đo tổng thể các thửa đất số 1074, 1075, 1076, 1077, 1078, 1079, 1080, 1081, 1082, 1083, 1084. Đối chiếu sơ đồ đo đạc phần đất tranh chấp ngày 05/9/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L với sơ đồ đất trên giấy quyền sử dụng đất ông M được cấp thuộc thửa đất 1074, 1075, 1076, 1077, 1078, 1079, 1080, 1081, 1082, 1083, 1084 thì cạnh giáp với đường Tỉnh 852B là 60,60m so với sơ đồ đo hiện trạng thực tế là 60,92m (thừa 0,32m); tuy nhiên việc thừa 0,32m là sai số cho phép, vì cạnh này là cạnh tổng thể của 11 thửa đất của ông M; cạnh giáp với hẻm khu dân cư B 1 là 62,8m so với sơ đồ đo hiện trạng thực tế là 62,32m (thiếu 0,48m). Nên ông M yêu cầu xác định nối mốc A đến mốc B thành một đường thẳng làm ranh chung là phù hợp.

[6] Từ đó, ông Nguyễn Ngọc T kháng cáo yêu cầu xác định ranh theo vị trí từ M4 – M7 là ranh chung giữa thửa đất 406 của ông T và thửa 1074 là không có căn cứ nên không chấp nhận.

[7] Các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông T phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, ông Thế là người cao tuổi là đối tượng được miễn án phí đồng thời ông T cũng có đơn xin miễn án phí nên ông T được miễn án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14.

[9] Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc T, sửa án sơ thẩm. Đề nghị này là không phù hợp nên không chấp nhận.

[10] Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát Tỉnh đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông T, giữ nguyên án sơ thẩm; đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc T;

- Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 83/2022/DS-ST ngày 12/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lương Tấn M xác định ranh giới quyền sử dụng đất đối với bị đơn hộ ông Nguyễn Ngọc T.

2. Xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa đất 1074, tờ bản đồ số 01 do hộ ông Lương Tấn M đứng tên quyền sử dụng đất với thửa đất 406, tờ bản đồ số 46 do hộ ông Nguyễn Ngọc T đứng tên quyền sử dụng đất là: Nối các điểm từ A - B thành một đường thẳng là ranh giới quyền sử dụng đất, đất tọa lạc xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

(*Kèm biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 07/9/2018, biên bản thẩm định bổ sung ngày 12/11/2021 của Tòa án huyện Lấp Vò và sơ đồ đo đạc ngày 05/9/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L*).

Ranh giới quyền sử dụng đất được xác định nên người có quyền sử dụng đất được sử dụng không gian và lòng đất theo chiều thẳng đứng từ ranh giới trong khuôn viên đất, các tài sản có trên ranh giới đã được xác định phải được di dời.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Ngọc T, bà Phạm Thị Lệ T1, anh Nguyễn Ngọc Hùng L phải chịu 300.000đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò.

Ông Lương Tấn M được nhận lại 2.160.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001318, ngày 22/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lấp Vò.

4. Về chi phí tố tụng:

Ông Nguyễn Ngọc T, bà Phạm Thị Lệ T1, anh Nguyễn Ngọc Hùng L chịu chi phí thẩm định, định giá là 1.000.000 đồng. Số tiền 1.00.000 đồng này ông Lương Tấn M đã tạm nộp chi xong, nên ông T, bà Lệ T1, anh L có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông Lương Tấn M 1.000.000 đồng.

Chi phí trưng cầu giám định: Ông Lương Tấn M, bà Võ Thị Bé B, anh Lương Thanh H, chị Lê Thị Phi Y, chị Lương Thị Cẩm H1, chị Lương Thị Thu H2 liên đới chịu toàn bộ chi phí giám định là 14.460.000 đồng. Số tiền 14.460.000 đồng này ông Nguyễn Ngọc T đã tạm nộp chi xong nên ông Lương Tấn M, bà Võ Thị Bé B, anh Lương Thanh H, chị Lê Thị Phi Y, chị Lương Thị Cẩm H1, chị Lương Thị Thu H2 có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông Nguyễn Ngọc T 14.460.000 đồng.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông T được miễn án phí;

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV & THA Tỉnh;
- VKS ND Tỉnh
- Chi cục THA DS h. Lấp Vò;
- Các đương sự;
- Lưu hs vụ án (*vh*).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Vĩnh

à